TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HSST
Ngày: 29-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Ngô Phiên.
2. Ông Lục Viết Sang.

T ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - T ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29-11-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2019/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HS ngày 19-11-2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Tư L; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu Tòng trú và chỗ ở: Thôn ĐĐ 8, xã TT, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không có;

Bố: Lê Văn B, sinh năm 1939 (đã chết);

Mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1955;

Vợ, con: Chưa có;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02;

Tiền án: Tại Bản án số 69 ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Lê Tư L bị xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; Tại Bản án số 160 ngày 07/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Lê Tư L bị xử phạt 13 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của Bản án số 69/2012/HSST ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Lê Tư L phải chấp hành hình phạt chung cả hai Bản án là 25 tháng tù giam. Lê Tư L chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2016, chấp hành xong án phí vào ngày 20/6/2018;

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2019 đến ngày 27/5/2019; Từ ngày 27/5/2019 đến ngày 22/10/2019 đi chữa bệnh bắt buộc. Ngày 23/10/2019 bị bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Mạc Thị T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phố HHT, thị trấn CG, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Anh Bùi Đức Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Anh Q ủy Q cho chị Mạc Thị T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Phố HHT, thị trấn CG, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Chị T có đơn xin vắng mặt.

2, Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TC2, xã ĐK, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

3, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên Thế, Bắc Giang II.

Do ông Nguyễn Hồng Thái, phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên Thế, Bắc Giang II đại diện theo ủy Q (vắng mặt).

* Người làm chứng:

Anh Nguyễn Đình Tr, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã BH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/5/2018, Lê Tư L đến nhà chị Mạc Thị T thuê xe ô tô biển kiểm soát 98A-118.32 để sử dụng. L và chị T làm *"Hợp đồng cho thuê xe tự lái"*, thời gian thuê từ 01 giờ ngày 27/5/2018 đến 12 giờ ngày 26/6/2018. Chị T đã giao xe ô tô kèm theo giấy tờ xe cho L. Sau khi thuê được xe, L sử dụng để đi lại. Đến ngày 10/6/2018, do hết tiền ăn tiêu nên L nảy sinh ý định đem xe ô tô thuê của chị T đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. L điều khiển xe ô tô đến nhà anh Nguyễn Thanh H đặt vấn đề cầm cố xe cho anh H thì anh H đồng ý. L và anh H đi đến quán nước ở khu vực ngã tư Ba Gốc, thôn ĐQ, xã BH, huyện Yên Thế. Tại đây, anh H viết *"Giấy đặt tiền cọc mua ô tô"*, anh H đặt cọc số tiền 130.000.000 đồng để mua ô tô biển kiểm soát 98A-118.32, hẹn đến ngày 10/8/2018, L làm thủ tục sang tên xe cho anh H. Do trước đó L vay 30.000.000 đồng của anh H nên anh H chỉ đưa 100.000.000 đồng cho L. L đã giao xe ô tô kèm theo giấy tờ xe cho anh H. Sau khi nhận tiền, L đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 26/6/2018, L đến nhà chị T trả tiền thuê xe và tiếp tục làm hợp đồng thuê xe đến ngày 06/7/2018 mục đích để chị T tin là L vẫn thuê xe ô tô. Sau đó, do không thấy L trả xe, chị T gọi điện cho L đòi trả xe nhiều lần nhưng L không trả xe và bỏ trốn. Ngày 24/7/2018 chị T làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt của L.

Quá trình điều tra, anh H giao nộp: 01 xe mô tô biển kiểm soát 98A-118.32 nhãn hiệu TOYOTA, số loại COROLAATIS màu sơn đen; 01 chứng

nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 4220643; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020316; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số AD17/0170135; 01 Giấy biên nhận thế chấp số 290216/GBNTC đề ngày 08/01/2018; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số TN18 0019131, tên chủ xe Mạc Thị T, biển kiểm soát 98A-118.32; 01 "*Giấy nhận tiền đặt cọc mua ô tô ngày 10/6/2018*".

Chị T giao nộp: 01 bản phô tô Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020316 tên chủ xe Mạc Thị T, biển số 98A-118.32; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20B8 - I6021 00417 - 2016 tên hộ kinh doanh Mạc Thị T; 01 bản phô tô hợp đồng cho thuê xe tự lái đề ngày 26/6/2018; 04 Hợp đồng cho thuê xe tự lái các ngày 15/5/2018, 17/5/2018, 27/5/2018 và 26/6/2018 (bút lục số 301, 305).

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Lê Tư L bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 05/3/2019, Lê Tư L bị bắt tạm giam.

Quá trình L sử dụng xe ô tô thì xe bị mất 01 bánh xe dự phòng, vỡ 01 gương chiếu hậu bên trong và hư hỏng 01 cần gạt nước bên trái. L khai không biết lý do bị mất và hư hỏng. Chị T không yêu cầu gì đối với các tài sản này.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: 01 xe ô tô biển kiểm soát 98A-118.32, nhãn hiệu TOYOTA, số loại COROLAATIS, số máy 1ZZ-1445057, số khung ZZ122-7503119, màu sơn đen trị giá: 240.000.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi triệu đồng)*.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thế kết luận: Tổng chi phí thay thế, sửa chữa: 3.100.000 đồng, trong đó: Thay thế 01 bánh xe (lốp và la răng đúc sơn màu bạc): 1.500.000 đồng, thay thế gương chiếu hậu: 1.300.000 đồng, cần gạt nước phía trước bên trái: 300.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1457/KL-KTHS ngày 29/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Tư L tại mục "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); tại mục "Đại diện bên B" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A2 đến A5) so với chữ ký, chữ viết của Lê Tư L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) *là do cùng một người ký, viết ra*. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A2 đến A5) so với chữ ký, chữ viết của Mạc Thị T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M6 đến M10) *là do cùng một người ký, viết ra*.

Do nghi ngờ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Lê Tư L, Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với L.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 144/KLGĐ ngày 14/5/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Lê Tư L có biểu hiện hội chứng nghiện nhiều loại ma túy. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F19.2. Bị can có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

Tại thời điểm giám định bị can bị rối loạn thần do sử dụng nhiều loại ma túy. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F19.5. Bị can mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị can cần được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Ngày 27/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế ra Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam và ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Lê Tư L. Ngày 09/10/2019, Viện Pháp y tâm thần Trung ương có Kết luận giám định sức khỏe tâm thần sau điều trị bắt buộc chữa bệnh số 43/GĐSKTT-SBBCB, kết luận: *Hiện tại bệnh tâm thần của Lê Tư L đã khỏi. Không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.*

Cáo trạng số 52/CT-VKS-YT ngày 16-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo Lê Tư L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế thực hành Q công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lê Tư L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Tư L từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 05-3-2019.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lê Tư L.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan... không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc người bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thừa nhận: Ngày 27/5/2018 Lê Tư L thuê xe ô tô biển kiểm soát 98A-118.32 trị giá 240.000.000 đồng của chị Mạc Thị T để đi lại. Do không có tiền chi tiêu nên ngày 10/6/2018, L đem chiếc xe ô tô thuê của chị T đến bán cho anh Nguyễn Thanh H được số tiền 130.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. L không có khả năng trả lại xe ô tô cho chị T, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai chỉ cầm cố chiếc xe ô tô của chị T cho anh H nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, mặt khác căn cứ "Giấy biên nhận đặt cọc tiền mua xe ô tô" giữa anh H và bị cáo, kết luận giám định chữ ký, chữ viết trong "Giấy biên nhận đặt cọc tiền mua xe ô tô" có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã bán xe ô tô cho anh H, điều này phù hợp với lời khai của anh H, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, sau khi được bị hại tin tưởng giao tài sản bị cáo đã chiếm đoạt trái phép tài sản này rồi bỏ trốn, giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, Cáo trạng số 52/CT-VKS-YT ngày 16-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo Lê Tư L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Bị cáo L là đối tượng nghiện ma túy, lao động tự do, không có tài sản, không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi:

Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm Tr, đã trực tiếp xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật Hình sự bảo vệ, gây tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, vì vậy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tự nguyện bồi Tòng, khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không có ai có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 175, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 49, Điều 50 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tư L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Lê Tư L 05 (Năm) năm 07 (Bẩy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam ngày 05-3-2019.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lê Tư L.

3. Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội: Bị cáo Lê Tư L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về Q kháng cáo: Bị cáo có mặt có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại, người liên quan;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CQĐT, CQTHAHS Công an huyện Yên Thế;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang